TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **85**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10- 2018
Về việc tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn;

Ông Nguyễn Văn Chậu.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Nguyễn Đăng Phi – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2018/TLST – HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 100/2018/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngô Thị Phương T**, sinh năm 1994 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.
- *Bị đơn:* **Nguyễn Minh S**, sinh năm 1988 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09/5/2018, bản tự khai ngày 06/6/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị Phương T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ngô Thị Phương T và anh Nguyễn Minh S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011. Hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2012. Thời gian đầu có hạnh phúc nhưng từ tháng 9/2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, hay lời qua tiếng lại, cự cãi nhau, sống không hạnh phúc. Anh S thường hay ghen tuông vô cớ, đánh đập, cắt tóc, sỉ nhục chị, gây áp lực trong cuộc sống đối với chị, giữa anh và chị đã ly thân từ năm 2015 đến tháng 11/2017, trong thời gian này chị có làm đơn ly hôn nộp tại Tòa 01 lần, nhưng sau đó chị có cho anh S cơ hội để vợ chồng hàn gắn lại, nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng anh S vẫn không thay đổi tính tình, vì vậy mà vợ chồng tiếp tục ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay, mỗi người ở một nơi không còn sống chung với nhau, chị xác định mâu thuẫn đã rất trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung với anh S, và không còn tình cảm với anh S nữa, nên chị tiếp tục yêu cầu ly hôn với anh S.

- *Về nuôi con chung:* Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 01/8/2011; Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/02/2013. Hiện 02 chung đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tr và cháu T, trước đây chị có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng/01 cháu, nhưng tại phiên Tòa chị xác định không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* không có.

** Tại bản tự khai ngày 06/6/2018, biên bản hòa giải ngày 02/8/2018; ngày 28/9/2018, bị đơn anh Nguyễn Minh S trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh S thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nhưng theo anh xác định do chị T thường hay đi chơi về khuya, gửi con cho người khác trông coi, gọi điện không bắt máy, anh nóng tính, chị T lại không giải thích được tại sao đi đâu qua đêm không về, cho nên anh ghen tuông mới chửi mắng và cắt tóc chị T. Hiện tại, anh S xác định vẫn còn thương vợ con, xin Tòa án cho thời gian dài để hàn gắn. Vì vậy, nay anh không đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 01/8/2011; Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/02/2013. Hiện 02 chung do chị T nuôi. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tr và cháu T. Anh S không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tải sản chung, nợ chung: Không có.

***** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ*

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:

* Về *tuân theo pháp luật tố tụng :*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Riêng đối với bị đơn là anh Nguyễn Minh S vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

** Về nội dung giải quyết vụ án:*

+ Về hôn nhân: xét thấy vợ chồng chị T và anh S đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 đến nay, nguyên nhân do giữa 02 vợ chồng không cùng quan điểm sống, hay lời qua tiếng lại, thường cự cãi nhau, và chị T cũng có 01 lần đã nộp xin ly hôn đến Tòa án, nhưng sau đó đã hàn gắn lại nhưng không được vì anh S vẫn không thay đổi tính tình. Anh S đã có hành vi bạo lực gia đình đối với chị T như thường ghen tuông vô cớ, đánh đập, cắt tóc, sỉ nhục chị, gây áp lực trong cuộc sống đối với chị T, và hành vi bạo lực này đã diễn ra nhiều lần trong cuộc sống. Vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng và tiếp tục ly thân từ tháng 01/2018 đến nay không hàn gắn lại được. Nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chị T xin ly hôn với anh S là có căn cứ.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 01/8/2011; Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/02/2013. Hiện 02 chung do chị T nuôi. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Nguyễn Thị Phương T đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng sống với mẹ, và anh S đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tr và cháu T. Sự thỏa thuận này cũng là phù hợp với quy định pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: 02 bên khai thống nhất là không có.

* Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh S. Chị T được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con chung của chị T. Giao con chung tên Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 01/8/2011; Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/02/2013 cho chị T nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ngô Thị Phương T và anh Nguyễn Minh S cưới nhau vào năm 2011 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện D vào năm 2012 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S được công nhận hợp pháp.

[3]. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh S không đồng ý vì anh còn thương vợ con nên muốn hàn gắn. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như lời khai của chị T và anh S đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay lời qua tiếng lại, cự cãi nhau, sống không hạnh phúc, do chị T thường đi sớm về khuya, anh S gọi không bắt máy nên anh ghen tuông, đánh đập, cắt tóc, sỉ nhục chị T, gây áp lực trong cuộc sống đối với chị, điều đó chứng tỏ anh S đã có hành vi bạo lực gia đình với chị T. Mặc dù anh S không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, xin thời gian hàn gắn, Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho thời gian dài để hai bên tìm cách hàn gắn lại tình cảm, nhưng cho đến nay vợ chồng chị T vẫn không hàn gắn lại được, trước đây chị có làm đơn ly hôn nộp tại Tòa 01 lần, nhưng sau đó vợ chồng hàn gắn lại, nhưng anh S vẫn không thay đổi tính tính, vì vậy mà vợ chồng tiếp tục ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay, mỗi người ở một nơi không còn sống chung với nhau, chị xác định không còn tình cảm với anh, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nay không thể tiếp tục sống chung với anh S, nên chị yêu cầu ly hôn với anh S và chính anh S cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

[4]. Qua đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định được cuộc sống chung giữa 02 vợ chồng chị T và anh S đã có nhiều mâu thuẫn, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, giữa chị T và anh S đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị T và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp theo

quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S.

[5]. *Về con chung:* Trong quá trình sống chung giữa chị T và anh S có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 01/8/2011; Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/02/2013. Hiện 02 chung đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tr và cháu T. Anh S đồng ý để 02 con chung cho chị T nuôi.

[6]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Tr và cháu T, xét thấy từ trước đến nay cả 02 cháu đều sống với chị T, việc chị T nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, hiện tại chị có công việc và thu nhập ổn định. Đối với cháu Tr tại thời điểm giải quyết ly hôn giữa chị T và anh S thì cháu đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị T. Nên để nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh và chị, cần để 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr và anh S cũng đồng ý để chị T nuôi 02 con chung, sự thỏa thuận này cũng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét đến.

[8]. *Về tài sản chung:* Hai bên khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. *Về nợ chung:* Hai bên khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[10]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; phù hợp với nhận nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

[11]. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[12]. Chị Ngô Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Phương T đối với anh Nguyễn Minh S.

Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Phương T và anh Nguyễn Minh S.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Phương T và anh Nguyễn Minh S chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 01/8/2011; Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/02/2013 cho chị Ngô Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr.

Ghi nhận sự tự nguyện chị T nuôi con chung không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Ngô Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017934 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Ngô Thị Phương T đã nộp đủ án phí.

Chị Ngô Thị Phương T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Minh S vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã P (Số 75, Quyển 01/2012);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên